

Số: 04/2013/NQ-HĐND

*Cà Mau, ngày 10 tháng 7 năm 2013*

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành phí qua phà trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ SÁU**

(Từ ngày 09 đến ngày 10 tháng 7 năm 2013)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 04/2013/TT-BTC ngày 09/01/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng Phí qua phà;

Căn cứ Thông tư số 61/2013/TT-BTC ngày 09/5/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 04/2013/TT-BTC ngày 09/01/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng Phí qua phà;

Xét Tờ trình số 63/TTr-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc ban hành Phí qua phà trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Báo cáo thẩm tra số 28/BC-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2013 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh Cà Mau;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa VIII, kỳ họp thứ Sáu đã thảo luận và thống nhất,

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành Phí qua phà trên địa bàn tỉnh Cà Mau với các nội dung như sau:

### 1. Tổ chức, cá nhân thu phí

Các tổ chức, cá nhân được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép hoạt động quản lý, khai thác và được thu phí tại các bến khách ngang sông trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

### 2. Đối tượng nộp phí

Người đi bộ, người điều khiển phương tiện giao thông thô sơ đường bộ, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và các loại xe tương tự.

### 3. Các đối tượng được miễn thu phí

- a) Xe cứu hỏa.
- b) Xe hộ đê, xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về phòng chống lụt bão.
- c) Xe cứu thương, bao gồm cả các loại xe khác chở người bị nạn đến nơi cấp cứu.
- d) Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh gồm: xe tăng, xe bọc thép, xe kéo pháo, xe chở lực lượng vũ trang đang hành quân.
- đ) Xe và người của đoàn xe tang.
- e) Đoàn xe có xe hộ tống, dẫn đường.
- g) Xe làm nhiệm vụ vận chuyển thuốc men, máy móc, thiết bị, vật tư, hàng hóa đến những nơi bị thiên tai, những vùng có dịch bệnh hoặc xe của tổ chức, cá nhân đi làm từ thiện.
- h) Người và phương tiện đi lại của: thương binh, bệnh binh phải có thẻ thương binh, bệnh binh hoặc giấy chứng nhận đối với thương binh, bệnh binh; người khuyết tật; trẻ em dưới 10 tuổi có giấy khai sinh; hộ nghèo được công nhận của chính quyền địa phương; cán bộ xã, phường, thị trấn, cán bộ ấp, khóm đi làm nhiệm vụ; giáo viên đi dạy; học sinh đi học phải có thẻ học sinh hoặc giấy chứng nhận của nhà trường đối với học sinh.

### 4. Mức thu phí

- Phí qua phà được áp dụng cho tất cả các bến khách ngang sông trên địa bàn tỉnh, mức phí áp dụng suốt ngày và đêm.

- Các mức phí đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng, bảo hiểm phương tiện và bảo hiểm hành khách khi qua phà.

a) Đối với bến khách ngang sông có khoảng cách chiều dài giữa 2 đầu bến dưới 150 mét được áp dụng mức thu như sau:

- |                                  |                  |
|----------------------------------|------------------|
| - Người:                         | 1.000 đồng/lượt. |
| - Người và xe đạp, xe đạp điện:  | 2.000 đồng/lượt. |
| - Người và xe mô tô, xe gắn máy: | 4.000 đồng/lượt. |

(Đối với xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp điện, xe đạp được chở thêm 01 người)

- Xe ô tô từ 4 chỗ đến 7 chỗ ngồi: 15.000 đồng/lượt.
- Xe ô tô từ trên 7 chỗ đến 16 chỗ ngồi: 20.000 đồng/lượt.
- Xe ô tô từ trên 16 chỗ đến 30 chỗ ngồi: 25.000 đồng/lượt.
- Xe ô tô từ trên 30 chỗ ngồi: 30.000 đồng/lượt.

(Đối với xe ô tô, mức phí không bao gồm hành khách trên xe)

- Xe tải kể cả hàng hóa dưới 3,5 tấn: 20.000 đồng/lượt.
- Xe tải kể cả hàng hóa từ 3,5 tấn đến 5 tấn: 25.000 đồng/lượt.
- Xe tải kể cả hàng hóa trên 5 tấn đến 10 tấn: 30.000 đồng/lượt.
- Xe tải kể cả hàng hóa trên 10 tấn và các loại xe chuyên dùng khác: 35.000 đồng/lượt.

b) Đối với bến khách ngang sông có khoảng cách chiều dài giữa 2 đầu bến từ 150 mét đến dưới 300 mét được áp dụng mức thu như sau:

- Người: 1.000 đồng/lượt.
- Người và xe đạp, xe đạp điện: 3.000 đồng/lượt
- Người và xe mô tô, xe gắn máy: 5.000 đồng/lượt

(Đối với xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp điện, xe đạp được chở thêm 01 người)

- Xe ô tô từ 4 chỗ đến 7 chỗ ngồi: 15.000 đồng/lượt.
- Xe ô tô từ trên 7 chỗ đến 16 chỗ ngồi: 20.000 đồng/lượt.
- Xe ô tô từ trên 16 chỗ đến 30 chỗ ngồi: 25.000 đồng/lượt.
- Xe ô tô từ trên 30 chỗ ngồi: 30.000 đồng/lượt.

(Đối với xe ô tô, mức phí không bao gồm hành khách trên xe)

- Xe tải kể cả hàng hóa dưới 3,5 tấn: 20.000 đồng/lượt.
- Xe tải kể cả hàng hóa từ 3,5 tấn đến 5 tấn: 25.000 đồng/lượt.
- Xe tải kể cả hàng hóa trên 5 tấn đến 10 tấn: 30.000 đồng/lượt.
- Xe tải kể cả hàng hóa trên 10 tấn và các loại xe chuyên dùng khác: 35.000 đồng/lượt.

c) Đối với bến khách ngang sông có khoảng cách chiều dài giữa 2 đầu bến từ 300 mét trở lên được áp dụng mức thu như sau:

- Người: 1.000 đồng/lượt.
- Người và xe đạp, xe đạp điện: 4.000 đồng/lượt.
- Người và xe mô tô, xe gắn máy: 5.000 đồng/lượt.

(Đối với xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp điện, xe đạp được chở thêm 01 người)

- Xe ô tô từ 4 chỗ đến 7 chỗ ngồi: 20.000 đồng/lượt.
- Xe ô tô từ trên 7 chỗ đến 16 chỗ ngồi: 25.000 đồng/lượt.
- Xe ô tô từ trên 16 chỗ đến 30 chỗ ngồi: 30.000 đồng/lượt.
- Xe ô tô từ trên 30 chỗ ngồi: 35.000 đồng/lượt.

(Đối với xe ô tô, mức phí không bao gồm hành khách trên xe)

- Xe tải kể cả hàng hóa dưới 3,5 tấn:	25.000 đồng/lượt.
- Xe tải kể cả hàng hóa từ 3,5 tấn đến 5 tấn:	30.000 đồng/lượt.
- Xe tải kể cả hàng hóa trên 5 tấn đến 10 tấn:	35.000 đồng/lượt.
- Xe tải kể cả hàng hóa trên 10 tấn và các loại xe chuyên dùng khác:	40.000 đồng/lượt.

## **5. Quản lý và sử dụng Phí qua phà**

Đối với các tổ chức, cá nhân được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép hoạt động quản lý, sử dụng Phí qua phà như sau:

a) Đối với các bến do ngân sách Nhà nước đầu tư thực hiện theo Thông tư số 04/2013/TT-BTC ngày 09/01/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng Phí qua phà.

b) Đối với các bến do doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp có thu, các tổ chức, cá nhân tự đầu tư có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các đại biểu HĐND tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2013 và thay thế Nghị quyết số 12/2009/NQ-HĐND ngày 12/12/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Phí qua đò, qua phà trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

*Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa VIII, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2013.*

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (BTP);
- TT. Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- BTT. UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin Điện tử tỉnh;
- Bộ phận công nghệ - thông tin;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Bùi Công Bửu**